

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/DS-ST

Ngày: 29.9.2017

*V/v: “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc: “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp N, xã ML, huyện CN, Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **Tô Quang H**, sinh năm 1991 (vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 22/28 ĐN, phường BTĐ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2016)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Tô Việt Y**- Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyên Việt Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1958 (có mặt)

Trú tại: Thôn Suối Tứ, Thắng Hải, Hàm Tân, Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1969 (có mặt).

Trú tại: Khu phố 5, phường TA, LG, Bình Thuận. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25.10.2016)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị N1**, sinh năm: 1955 (có mặt)

Trú tại: Ấp N, xã ML, huyện CN, Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **Tô Quang H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Số 22/28 ĐN, phường BTĐ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016)

2. Anh **Nguyễn Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Số 96 THĐ, phường PN, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người làm chứng:* Ông **Trần Thanh S**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Ông **Dương Thành H**, sinh năm: 1961 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn HL, xã TH, huyện HT, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14.3.2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2013 ông C nhận chuyển nhượng một diện tích đất 29.884m² của ông Nguyễn Anh Q tại thôn ST, xã TH, huyện HT đã được ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013, khi nhận chuyển nhượng thì các bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đã được S tên ngày 11.6.2015. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thì bà Võ Thị N đã có hành vi cản trở không cho ông sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng sau khi đo đạc là 4130m². Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà N chấm dứt hành vi cản trở để ông được sử dụng diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2013 ông Nguyễn Thành C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh Q, tuy nhiên tại thời điểm này thì bà N đang sử dụng diện tích đất như hiện nay đo đạc là 4130m² trên tổng diện tích đất đã cấp cho ông Q. Khi ông Q chuyển nhượng thì chỉ chuyển nhượng cho ông C diện tích là 25.000m² số đất còn lại 4884m² theo giấy chứng nhận thì chuyển nhượng cho bà N nH tại thời điểm đó bà N không có tiền làm thủ tục tách thửa, S tên do đó bà N và ông C có thỏa thuận để ông C đứng tên toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q là 29.884m², đối với phần đất của bà N thì khi nào cần thì ông C làm thủ tục tách thửa S tên cho bà nên bà không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông C mà bà chỉ sử dụng diện tích đất bà đã nhận chuyển nhượng của ông Q. Hiện nay trên diện tích đất 4130m² thì bà N đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 từ năm 1992, 01 ngôi mộ của chồng bà

N xây năm 2007 và một số cây do bà N trồng như Nhãn (trồng năm 1994) và một số cây trồng khác. Trong quá trình canh tác thì ranh giới đất hai bên sử dụng từ trước cho đến nay, ông C cũng không sử dụng S phần đất của bà đang sử dụng nên bà N và ông Hoàng không có hành vi nào cản trở đối với quyền sử dụng đất của ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1 trình bày: Năm 2013 vợ chồng bà mua của ông Q diện tích 29.884m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Anh Q. Hiện nay diện tích thực tế mà vợ chồng bà đang sử dụng là hơn 19.000m², diện tích đất còn lại thì khi vợ chồng bà sử dụng thì bị bà N cản trở không cho sử dụng, canh tác. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà N chấm dứt hành vi cản trở đối với quyền sử dụng đất đã được Nhà nước công nhận theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huỳnh Thanh H trình bày: Diện tích đất 4.884m² là do mẹ anh nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Anh Q. Diện tích đất này có nguồn gốc của ông Q nH ông Q đã cho gia đình anh sử dụng từ trước năm 1992, đến năm 1992 thì gia đình anh đã làm nhà trên đất và sinh sống từ đó cho đến nay. Năm 2013 thì gia đình anh và ông C cùng mua chung thửa đất diện tích 29.884m², trong đó ông C mua 25.000m² và gia đình anh 4884m² nH hai bên thỏa thuận để ông C đứng tên, khi nào gia đình cần thì ông C có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa S tên. Ông C cho rằng anh và mẹ anh có hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không có căn cứ vì anh không sinh sống tại địa phương nên không có bất cứ hành vi gì liên quan đến việc sử dụng đất; đối với mẹ anh thì chỉ sử dụng diện tích ông Q cho trước đây, nay mẹ anh mua lại và tiếp tục sử dụng nên mẹ anh không lấn chiếm cũng không cản trở gì đối với ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tô Việt Y trình bày: Năm 2013 ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Anh Q một diện tích đất là 29.884m², tuy nhiên khi ông C bà N1 canh tác diện tích đất nhận chuyển nhượng thì bà N đã có hành vi cản trở cụ thể là có hành vi chửi bới và không cho ông C san ủi đất để trồng trọt. Việc nhận chuyển nhượng thì các bên đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã S tên cho ông Nguyễn Thành C nên ông C mới là người được quyền sử dụng theo quy định. Việc bà N cho rằng bà mua chung đất với ông C là không có căn cứ vì hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C và bà N1; đối với giấy cam kết của ông C thì mặc dù ông C nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích 29.884m² nH ông chỉ nhận 25.000m², số đất còn lại thì sẽ giao cho bà N, tuy nhiên hiện nay đo đạc lại thì toàn bộ thửa đất chỉ có 23.339m² và ông C vẫn còn thiếu đất nên việc bà N cho rằng diện tích đất trên là của bà N là không có căn cứ, tuy nhiên trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật như đã nêu trên chứ không tranh chấp đất nên yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị N chấm dứt hành vi cản trở đối với quyền sử dụng đất của ông C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013 đã S tên cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 ngày 11.6.2015.

Người làm chứng ông Trần Thanh S trình bày: Năm 2013 ông C có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh Q một diện tích đất là 29.884m², sau khi nhận chuyển nhượng thì ông C có nhờ anh trông coi. Năm 2015 ông C kêu anh vào để san ủi phần đất còn lại để canh tác thì bà N ngăn cản và hăm dọa đòi dùng dao chém, chửi bới và ngăn cản không cho anh dọn dẹp, san lấp mặt bằng để canh tác và anh đã báo cho ông C nên ông C báo cho Công an xã giải quyết nH bà N vẫn tiếp tục cản trở.

Người làm chứng ông Dương Thành H trình bày: Trong quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Q thì ông là người chứng kiến và cũng là người giao tiền cho ông Q. Sau khi ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông là người trồng cây cho ông C và phần đất của ai thì người đó canh tác, bà N không có hành vi nào cản trở việc ông C sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và HĐXX và đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với các đương sự thì đã tuân thủ thủ tục tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thành C về việc yêu cầu bà Võ Thị N và anh Nguyễn Huỳnh Thanh H chấm dứt hành vi cản trở đối với quyền sử dụng đất. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thấy rằng ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 29.884m² của ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thị Minh H theo hợp đồng được UBND xã TH chứng thực ngày 04.6.2013 đúng theo quy định và đã làm thủ tục sang tên ngày 11.6.2015. Năm 2015 khi ông C và bà N1 sử dụng canh tác diện tích đất trên thì bà N ngăn cản không cho ông C và bà N1 canh tác, việc bà N không cho ông C và bà N1 sử dụng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật. Đối với giấy xác nhận ông C viết ngày 15.5.2013 thì ông C nhận đứng hộ tên đất màu và thổ cư trong đó phần đất của ông C là 25.000m², số diện tích đất còn lại thì anh Hoàng và bà N mới được quyền sử dụng. Ngày 13.01.2017 Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành xem xét, đo đạc và thẩm định tại chỗ thì diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013 đã sang tên cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 ngày 11.6.2015 là 23.339m² do đó yêu cầu của ông C là có cơ sở. Bà N cho rằng bà mua diện tích đất trên cùng với ông C nhưng ông C không làm thủ tục tách thửa, sang tên cho bà, tuy nhiên trong quá trình giải quyết thì bà N không yêu cầu phản tố do đó không có cơ sở xem xét, bà N có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 255, Điều 259 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành C. Đối với các tài sản trên đất thì các đương sự không yêu cầu nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở đối với quyền chiếm hữu, sử dụng đất. HĐXX thấy rằng đây là “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 259 Bộ luật dân sự 2005 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quyền khởi kiện của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành C đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân công nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013 đã sang tên cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 ngày 11.6.2015 nên ông C có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết những vụ việc liên quan đến quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên, nH trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên HĐXX không xem xét.

Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy Ông Nguyễn Thành C, bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thị Minh H theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Thắng Hải chứng thực ngày 04.6.2013 và đến ngày 11.6.2015 thì đã sang tên theo cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 nên ông C, bà N1 được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông C và bà N1 đã canh tác trên đất cụ thể là đã trồng các loại cây ăn trái, tuy nhiên khi đang tiếp tục mở rộng việc canh tác trên phần đất đã nhận chuyển nhượng thì bà Võ Thị N đã ngăn cản, nguyên nhân là trên diện tích đất ông C, bà N1 nhận chuyển nhượng thì bà N đã làm nhà và trồng cây ăn trái trên diện tích đất theo đo đạc ngày 13.01.2017 là 4130m² nên xảy ra tranh chấp.

Theo bị đơn, diện tích đất 4130m² trong tổng diện tích 29.884m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Anh Q

nhưng khi nhận chuyển nhượng thì do không có tiền để làm thủ tục tách thửa nên thỏa thuận với ông C để ông C đứng tên toàn bộ diện tích đất, khi nào cần thì bà làm thủ tục tách thửa, sang tên nên ngày 15.5.2013 con bà là anh Nguyễn Huỳnh Thanh H và ông Nguyễn Thành C đã viết giấy xác nhận để làm cơ sở. Theo nguyên đơn thì ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo quy định, khi nhận chuyển nhượng thì do ở xa nên đã nhờ bà N làm thủ tục đo đạc lại diện tích đất nhận chuyển nhượng, tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q có diện tích là 72.000m² và giao cho bà N quản lý nên ông đã viết giấy xác nhận, tuy nhiên theo nội dung của giấy xác nhận ngày 15.5.2013 thì diện tích đất của ông được quyền sử dụng là 25.000m², số diện tích đất còn lại thì bà N và anh H tiếp tục quản lý, ông không liên quan gì, nhưng khi đo đạc lại thì diện tích đất của ông không đủ theo thỏa thuận nên ông tiếp tục canh tác diện tích còn lại thì bà N ngăn cản không cho ông sử dụng.

Hội đồng xét xử thấy rằng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thị Minh H và đã làm thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh hiệu lực và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hàm Tân xác nhận sang tên ngày 11.6.2015. Tại Công văn số 2923/UBND-TNMT ngày 11.9.2017 đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013 cho ông Nguyễn Anh Q đã sang tên cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 ngày 11.6.2015 là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục và tại biên bản xác minh ngày 15.9.2017 tại UBND xã Thắng Hải đã xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04.6.2013 giữa ông Nguyễn Thành C, bà Trần Thị N1 và ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thị Minh H là đúng pháp luật do đó theo quy định của Điều 169 Luật đất đai năm 2013 và Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2005 thì ông C và bà N1 đã được xác lập quyền sử dụng đất trên tổng diện tích đất nhận chuyển nhượng mà không ai được cản trở. Hiện trạng trên phần diện tích đất mà bà N ngăn cản không cho ông C, bà N1 sử dụng có 01 căn nhà của nhà N diện tích 50,89m², tường rào, 01 ngôi mộ diện tích 10,64m² (mộ của chồng bà N) và một số cây trồng khác. Trong quá trình giải quyết thì ông C đã đồng ý giao cho bà N diện tích đất có những tài sản gồm 01 căn nhà của bà N diện tích 50,89m², tường rào, 01 ngôi mộ diện tích 10,64m² và một phần đất khác nhưng bà N không đồng ý nên không có căn cứ để nghi nhận.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất; bị đơn cũng không yêu cầu tranh chấp đất đai nên không có cơ sở xem xét mà nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc bị chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh bà N đã có hành vi cản trở trái pháp luật, bên cạnh đó bị đơn khẳng định từ trước đến nay bị đơn không có bất cứ hành vi nào cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng đất của ông C và bị đơn cũng sẽ không có hành vi cản trở trái pháp luật nào về sau nên không có cơ sở để xác định bị đơn đã có hành vi cản

trở trái pháp luật vì vậy yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Nếu các đương sự cho rằng mình được quyền sử dụng đất hoặc lấn chiếm đất đai trong diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 537749 ngày 06.11.2013 cho ông Nguyễn Anh Q đã sang tên cho ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị N1 ngày 11.6.2015 thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đối với các chi phí tố tụng khác thì các bên tự chịu và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 169 Luật đất đai năm 2013; Điều 259 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành C.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005551 ngày 12.10.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.
3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (ngày 29.9.2017). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.
4. Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng